

Số: 35/BC-THCSNGT

Thượng Lý, ngày 25 tháng 10 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Ngô Gia Tự

2. Địa chỉ: Số 2 đường Tiên Dung, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

- Điện thoại: 02253525187

- Địa chỉ thư điện tử: thcsngogiatu@hongbang.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử: <https://thcsngogiatu.haiphong.edu.vn>

### 3. Loại hình:

- Công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng

### 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

**SỨ MỆNH:** Trường THCS Ngô Gia Tự xây dựng và phát triển một môi trường học giàu tình yêu thương, có tư duy tiến bộ, trang bị cho học sinh một nền kiến thức vững chắc toàn diện, bồi đắp những tính cách tốt và kỹ năng sống, phát huy phẩm chất và năng lực trong thời đại mới.

**TẦM NHÌN:** Trường THCS Ngô Gia Tự đặt mục tiêu xây dựng trường học hạnh phúc, mang đến môi trường giáo dục tiên tiến, hiện đại, tận tâm và phát triển toàn diện cho mỗi học sinh. Ở đó, học sinh được an toàn, yêu thương, tôn trọng, sáng tạo.

### TRIẾT LÝ GIÁO DỤC:

- Đoàn kết - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm

- Thầy mẫu mực - Trò chăm ngoan - Trường khang trang - Lớp hạnh phúc

- Tất cả vì học sinh thân yêu

**GIÁ TRỊ CỐT LÕI:** Nối tiếp truyền thống - Vững bước tương lai

### 5. Quá trình hình thành:

Trường THCS Ngô Gia Tự đóng trên địa bàn phường Thượng Lý - Nơi có truyền thống cách mạng và được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Trường được thành lập năm 1975 với tên gọi trường cấp I, II Thượng Lý. Năm 1979 trường được đổi tên thành trường PTCS Thượng Lý.

Năm 1983 một lần nữa trường được đổi tên thành trường PTCS Ngô Gia Tự. Đến năm 1986 theo Quyết định số 257/QĐ-TCCQ, ngày 22/7/1986 của UBND quận Hồng Bàng về việc sát nhập trường PTCS Ngô Gia Tự và PTCS Nguyễn Huệ thành trường PTCS Ngô Gia Tự.

Đến năm 1991 theo Quyết định số 99/QĐ-UB, ngày 26/7/1991 của UBND quận Hồng Bàng về việc sắp xếp lại các trường PTCS trực thuộc quận. Trường được chia tách thành hai trường Ngô Gia Tự I và Ngô Gia Tự II.

Từ năm 1994 trường được đổi tên thành trường THCS Ngô Gia Tự như hiện nay.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã trải qua một chặng đường đầy thử thách và khó khăn nhưng với lòng yêu nghề “Tất cả vì học sinh thân yêu” của các thế hệ thầy giáo, cô giáo. Sự quan tâm, động viên của Quận ủy, UBND quận và các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, nhà trường đã từng bước ổn định và ngày càng trưởng thành hơn. Nhiều năm liên tục nhà trường đạt các danh hiệu:

- Chi bộ “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”
- Tập thể lao động tiên tiến và Tập thể lao động xuất sắc
- Bằng khen của UBND Thành phố và bằng khen của Bộ giáo dục và Đào tạo

Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trường THCS Ngô Gia Tự quyết tâm xây dựng một môi trường “An toàn, lành mạnh, thân thiện và hiện đại”; ghi thêm nhiều thành tích vào trang sử vàng truyền thống của nhà trường, xứng đáng với tên tuổi của nhà tri thức cách mạng Ngô Gia Tự và quê hương Thượng Lý anh hùng, xứng đáng với niềm tin yêu của phụ huynh và nhân dân.

Đến năm học 2023-2024, trường có 22 phòng học, 06 phòng học bộ môn, 10 phòng chức năng. Khuôn viên trường khang trang, sạch đẹp, thoáng mát, đảm bảo đủ cơ sở vật chất cho công tác giảng dạy, học tập cho học sinh. Nhà trường đã xây dựng được môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, trong sạch, lành mạnh để thực sự là “Trường học hạnh phúc” các em học sinh “*Mỗi ngày đến trường là một ngày vui*”.

Năm học 2023-2024, trường có 45 đ/c CB, GV, NV trong đó: 11 thạc sĩ ( Vượt chuẩn), 33 đại học ( Đạt chuẩn), 01 cao đẳng ( Chưa đạt chuẩn). Nhà trường luôn làm tốt công tác bồi dưỡng đội ngũ, các thầy cô giáo nhà trường đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đoàn kết một lòng, không ngừng học tập để nâng cao phẩm chất chính trị và chuyên môn nghiệp vụ. Vì vậy, chất lượng đội ngũ ngày một nâng cao.

Trong những năm qua, với sự cố gắng, nỗ lực của nhà trường, chất lượng học sinh tiến bộ rõ rệt và thu được nhiều kết quả, thành tích đáng khích lệ. Hàng năm nhà trường đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục, đạt và

vượt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra trong Hội nghị cán bộ công chức đầu năm. Trường luôn đảm bảo tốt chất lượng giáo dục toàn diện, quan tâm bồi dưỡng học sinh năng khiếu.

#### 6. Thông tin người đại diện:

- Họ và tên: Ông Nguyễn Văn Ca.
- Chức vụ: Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường
- Số điện thoại: 0904 306 596
- Địa chỉ thư điện tử: [call1151217@gmail.com](mailto:call1151217@gmail.com)

#### 7. Tổ chức bộ máy:

##### 7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Quyết định số 257/QĐ-TCCQ, ngày 22/7/1986 của UBND quận Hồng Bàng về việc sát nhập trường PTCS Ngô Gia Tự và PTCS Nguyễn Huệ thành trường PTCS Ngô Gia Tự.

- Đến năm 1991 theo Quyết định số 99/QĐ-UB, ngày 26/7/1991 của UBND quận Hồng Bàng về việc sắp xếp lại các trường PTCS trực thuộc quận. Trường được chia tách thành hai trường Ngô Gia Tự I và Ngô Gia Tự II thuộc phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Từ năm 1994 trường được đổi tên thành trường THCS Ngô Gia Tự như hiện nay.

##### 7.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường;

- Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 08/10/2024 của Chủ tịch UBND quận Hồng Bàng về việc kiện toàn Hội đồng trường THCS Ngô Gia Tự nhiệm kỳ 2024-2029;

- Danh sách thành viên Hội đồng trường:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Hội đồng trường
1.	Ông: Nguyễn Văn Ca	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2.	Bà: Trần Thị Thắm	Chủ tịch Công đoàn	Phó Chủ tịch
3.	Bà: Nguyễn Thị Lơ	Tổ trưởng tổ Xã hội	Thư ký
4.	Bà: Bùi Thị Bích Phương	Bí thư chi đoàn	Thành viên
5.	Bà: Võ Thị Thanh Hoài	Tổ trưởng tổ Ngoại ngữ	Thành viên
6.	Ông: Đàm Văn Thượng	Tổ trưởng tổ Tự nhiên	Thành viên
7.	Ông: Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch UBND phường Thượng Lý	Thành viên
8.	Ông: Nguyễn Tiên Phong	Trưởng ban đại diện CMHS	Thành viên
9.	Em: Trịnh Thị Hương Giang	Học sinh	

### **7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường;**

a. Hiệu trưởng: Ông: **Nguyễn Văn Ca**

- Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của Chủ tịch UBND quận Hồng Bàng về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Ngô Gia Tự kể từ ngày 01/8/2024 cho đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu.

b. Phó hiệu trưởng: Bà: **Nguyễn Thị Phương Thảo**

- Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND quận Hồng Bàng về điều động và bổ nhiệm có thời hạn Phó Hiệu trưởng đối với bà Nguyễn Thị Phương Thảo, giáo viên trường THCS Hồng Bàng, giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Ngô Gia Tự kể từ ngày 02/01/2021 (thời hạn bổ nhiệm 5 năm)

c. Phó hiệu trưởng: Bà: **Đào Thị Trang**

- Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của Chủ tịch UBND quận Hồng Bàng về bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Ngô Gia Tự đối với bà Đào Thị Trang kể từ ngày 09/7/2024 (thời hạn bổ nhiệm 5 năm)

### **7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường;**

a. Cơ cấu tổ chức của trường gồm:

- Hội đồng trường: gồm 8 thành viên. Chủ tịch HĐ: Ông: Nguyễn Văn Ca
- Hiệu trưởng: Ông: Nguyễn Văn Ca
- 02 Phó hiệu trưởng: Nguyễn Thị Phương Thảo, Đào Thị Trang.
- Hội đồng thi đua khen thưởng;
- Hội đồng kỷ luật;
- Hội đồng tư vấn;
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: Chi bộ gồm 36 đảng viên trực thuộc Đảng bộ phường Thượng Lý
- Tổ chức Công đoàn: gồm 49 công đoàn viên. Chủ tịch công đoàn cơ sở: Đc Trần Thị Thắm.
- Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Gồm 10 đoàn viên. Bí thư chi Đoàn: Đc Bùi Thị Thanh Phương.
- Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh: Liên Đội gồm 22 Chi Đội với 1015 đội viên. Tổng phụ trách Đội: Đc Đỗ Tiến Dương
- 04 tổ chuyên môn và văn phòng.
- + Tổ Tự nhiên: Gồm 22 thành viên. Tổ trưởng: Đc Đàm Văn Thượng
- + Tổ Xã hội: Gồm 15 thành viên. Tổ trưởng: Đc Nguyễn Thị Lơ
- + Tổ Ngoại ngữ: Gồm 09 thành viên. Tổ trưởng: Đc Võ Thị Thanh Hoài
- + Tổ Văn phòng: Gồm 04 thành viên. Tổ trưởng: Đc Hạc Thị Minh Nhân
- Lớp học: Gồm 22 lớp học với 1.015 học sinh

b. Chức năng, nhiệm vụ của trường

Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ tại **Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo**: Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp:

- Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.

- Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động trẻ em khuyết tật, trẻ em đã bỏ học đến trường, thực hiện phổ cập giáo dục và chống mù chữ ở phường Thượng Lý.

- Tổ chức kiểm tra và đề nghị công nhận tốt nghiệp chương trình THCS của học sinh trong nhà trường.

- Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương, trường đạt chất lượng giáo dục cao.

- Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh

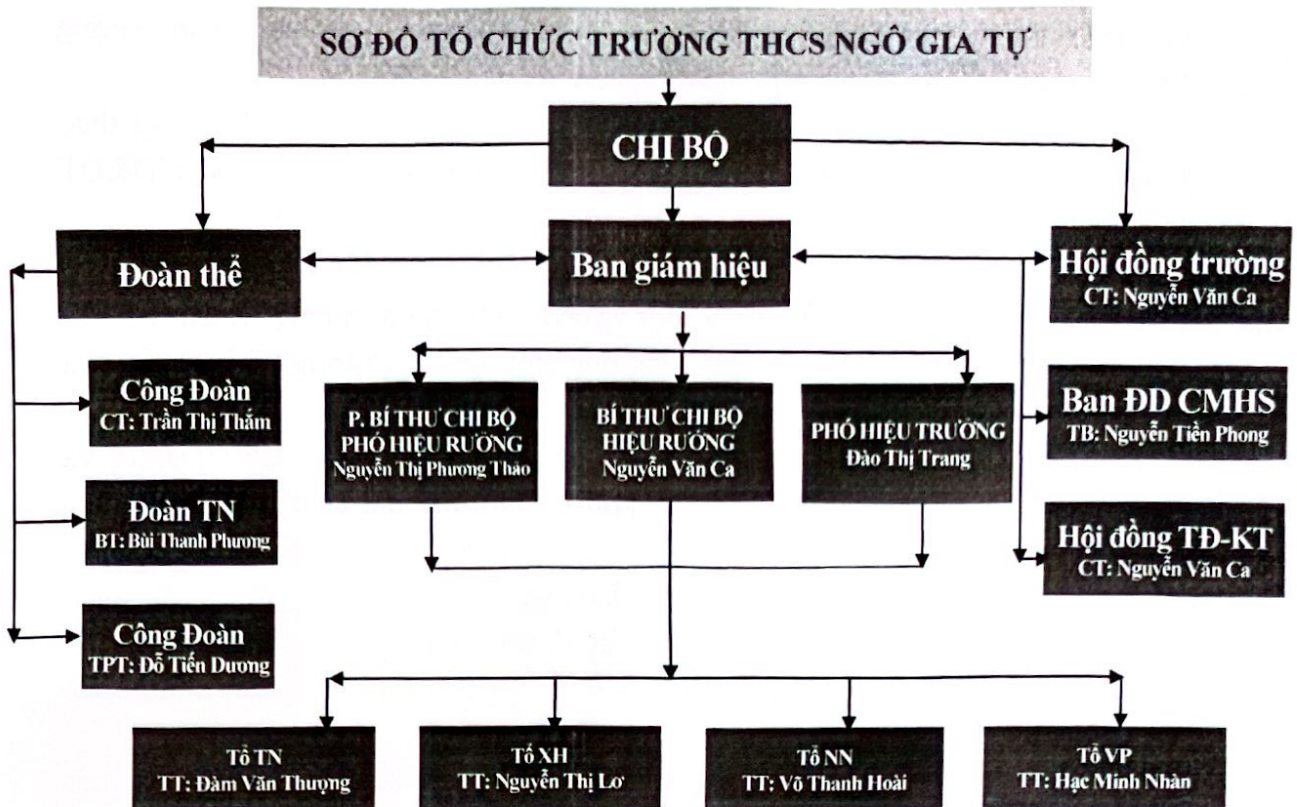
- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với gia đình, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện hoạt động giáo dục toàn diện đạt hiệu quả, tiếp tục xây dựng thương hiệu nhà trường.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tích cực tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

## c. Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường



**7.5. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.**

Họ tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
Nguyễn Văn Ca	Hiệu trưởng	0904 306 596	Call1151217@gmail.com
Nguyễn Thị P. Thảo	P. Hiệu trưởng	0384 695 259	daotrangngt@gmail.com
Đào Thị Trang	P. Hiệu trưởng	0901 562 225	thaorum@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Số 2 đường Tiên Dung, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Phân công trách nhiệm:

**1. Đ/c Nguyễn Văn Ca - Hiệu trưởng:**

Thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ nhà trường ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phụ trách chung, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai nhiệm vụ của Phó hiệu trưởng, các tổ chức trong nhà trường, công tác GVCN lớp, điều phối công việc giữa các thành viên.

- Ngoài cương vị phụ trách chung, trực tiếp phụ trách và giải quyết một số lĩnh vực công tác sau:

+ Phụ trách công tác qui chế dân chủ trong nhà trường.

+ Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống; Công tác xây dựng “Trường học hạnh phúc”.

+ Công tác tư tưởng chính trị của CBGVNV.

+ Xây dựng và triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường; Công tác tài chính, tổ chức cán bộ; Công tác tuyển sinh, tiếp nhận và cho học sinh chuyển trường; Công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.

+ Công tác phối hợp các tổ chức, đơn vị liên quan trong và ngoài nhà trường.

+ Những công việc mà cấp trên yêu cầu Hiệu trưởng giải quyết trực tiếp; Những vấn đề liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi trách nhiệm của Phó hiệu trưởng, những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của Phó hiệu trưởng.

+ Xây dựng lịch công tác.

+ Phụ trách, chỉ đạo khối văn phòng.

- Dạy 2 tiết/tuần

2. Đ/c Nguyễn Thị Phương Thảo - Phó hiệu trưởng:

Thực hiện và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công; Cùng với Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về phần việc được giao; Thay mặt Hiệu trưởng điều hành hoạt động của nhà trường khi được Hiệu trưởng uỷ quyền. Các công tác cụ thể:

- Phụ trách công tác pháp chế, công khai, kiểm tra nội bộ.

- Phụ trách công tác báo cáo định kỳ, tổng hợp những thông tin chung của nhà trường; Chỉ đạo các bộ phận báo cáo theo nhiệm vụ được phân công.

- Phụ trách công tác ôn thi vào lớp 10; Học sinh giỏi; Các kỳ thi khác ngoài nhà trường.

- Phụ trách chỉ đạo công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra toàn diện hoạt động sư phạm của giáo viên; Công tác đổi mới phương pháp dạy học; Công tác thi giáo viên dạy giỏi các cấp; Các khảo thí và kiểm định chất lượng.

- Phụ trách công tác quản lý dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường. Phụ trách các hoạt động dạy học tự chọn, giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông và phân luồng.

- Phụ trách công tác hoạt động tổ Xã hội, tổ Ngoại ngữ:

+ Nâng cao vai trò và năng lực hoạt động của tổ chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT, đảm bảo chất lượng giáo dục. \*

+ Phối hợp các tổ chức Đoàn TN, Công đoàn tổ chức các hoạt động thi đua tổ.

+ Phối hợp chỉ đạo công tác hoạt động Đoàn – Đội; Công tác GVCN và học sinh.

- Phụ trách công tác phòng cháy, chữa cháy; Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

- Phụ trách công tác vệ sinh, Y tế học đường, chăm sóc SKSS vị thành niên, kế hoạch hoá gia đình; Chữ thập đỏ, Khuyến học;

- Phụ trách công tác An ninh trường học và phòng chống tội phạm, ma tuý và các tệ nạn XH, HIV-AIDS;

- Chỉ đạo và triển khai công tác thông tin, truyền thông các hoạt động của nhà trường.

- Phối hợp công tác lao động, trực; công tác thư viện, thiết bị, đồ dùng dạy học, phòng học bộ môn nhà trường. Theo dõi, điều hành lao động của giáo viên.

- Phối hợp công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống; Công tác xây dựng “Trường học hạnh phúc”.

- Dạy 4 tiết/tuần

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

2. Đ/c Đào Thị Trang - Phó hiệu trưởng:

Thực hiện và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công; Cùng với Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước cấp trên về phần việc được giao; Thay mặt Hiệu trưởng điều hành hoạt động của nhà trường khi được Hiệu trưởng uỷ quyền. Các công tác cụ thể:

- Phụ trách công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên

- Phụ trách công tác ứng dụng CNTT và chuyển đổi số:

+ Xây dựng hệ thống thông tin ứng dụng trong quản lý: Phần mềm CSDL ngành; Trang thông tin điện tử; Triển khai sử dụng Sổ điểm, học bạ điện tử.

+ Xây dựng hệ thống thông tin ứng dụng trong dạy học: Cung cấp nguồn dữ liệu chuyên môn cho bộ phận quản lý thông tin để xây dựng “Nguồn học liệu mở” phục vụ dạy học, kiểm tra đánh giá của nhà trường.

+ Phối hợp chỉ đạo và triển khai công tác thông tin, truyền thông các hoạt động của nhà trường

+ Các cuộc thi trên mạng đối với CB, GV, NV và học sinh nhà trường.

- Xếp thời khóa biểu phân công nhiệm vụ giảng dạy của giáo viên

- Phụ trách công tác hoạt động Đoàn – Đội; Chỉ đạo công tác GVCN và học sinh.

- Phụ trách công tác hoạt động tổ Tự nhiên:

+ Nâng cao vai trò và năng lực hoạt động của tổ chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT, đảm bảo chất lượng giáo dục.

+ Phối hợp các tổ chức Đoàn TN, Công đoàn tổ chức các hoạt động thi đua tổ.

- Phối hợp chỉ đạo công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống; Công tác xây dựng “Trường học hạnh phúc”.

- Phụ trách công tác lao động, trực; công tác thư viện, thiết bị, đồ dùng dạy học, phòng học bộ môn nhà trường. Theo dõi, điều hành lao động của giáo viên.

- Phụ trách công tác Phổ cập giáo dục; Phối hợp công tác Khảo thí và kiểm định chất lượng, công tác quản lý nghiên cứu khoa học.

- Phối hợp công tác ôn thi vào lớp 10; Học sinh giỏi; Các kỳ thi khác ngoài nhà trường.

- Phối hợp công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra toàn diện hoạt động sư phạm của giáo viên; Công tác đổi mới phương pháp dạy học; Công tác thi giáo viên dạy giỏi các cấp.

- Phụ trách công tác cơ sở vật chất, thiết bị.

- Dạy 4 tiết/tuần

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

### 8. Các văn bản khác

- Chiến lược phát triển của nhà trường;

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường;

- Các nghị quyết của hội đồng trường;

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN<sup>3</sup>

### 1. Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp					Chuẩn nghề nghiệp			
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Khác	Tốt	Khá	Đạt	Ghi chú
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>45</b>		<b>11</b>	<b>33</b>	<b>1</b>				<b>9</b>	<b>20</b>	<b>12</b>	<b>2</b>				
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>39</b>		<b>10</b>	<b>28</b>	<b>1</b>											
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:																
1	Tiếng dân tộc																
2	Ngoại ngữ	<b>5</b>		<b>1</b>	<b>4</b>					<b>4</b>	<b>1</b>			<b>4</b>	<b>1</b>		

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp					Chuẩn nghề nghiệp				
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Khác	Tốt	Khá	Đạt	Ghi chú
3	Tin học	1			1					1			1				
4	Âm nhạc	1			1					1			1				
5	Mỹ thuật	1			1				1				1				
6	Thẻ dực	2			2				2				1				
7	Văn hóa	29		9	19	1			8	12	8		24	5			
II	<b>Cán bộ quản lý</b>	3		1	2												
1	Hiệu trưởng	1			1				1				1				
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					1	1		2				
III	<b>Nhân viên</b>	3			3												
1	Nhân viên kế toán	1			1								1				
2	Nhân viên thư viện và Thiết bị	2			2							1	1				

**2. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2024 - 2025 và 02 năm tiếp theo**

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
1	Tháng 7/2024	CBQL, Giáo viên, nhân viên	42	Tập huấn chuyên môn của CBQL, giáo viên, nhân viên	Trực tuyến	BD
2	Tháng	CBQL,	42	Tập huấn Chương	Trực	BD

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
	8/2024	Giáo viên		trình giáo dục phổ thông 2018	tuyển	
3	Tháng 9/2024	CBQL, Giáo viên, nhân viên	45	Học chính trị đầu năm	Trực tiếp	BD
4	Năm 2024 và các năm tiếp theo	CBQL, Giáo viên, nhân viên	45	Chương trình GDPT, Nghiệp vụ khác	Trực tiếp Tuyển	BD

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT<sup>4</sup>

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	22/22	3,6m <sup>2</sup> /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	22	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m <sup>2</sup> )	3687.1	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m <sup>2</sup> )	780	
VI	Tổng diện tích các phòng	1496	1,5
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	68	
2	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	120	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m <sup>2</sup> )	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m <sup>2</sup> )	68	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m <sup>2</sup> )	68	
6	Diện tích phòng học tin học (m <sup>2</sup> )	68	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m <sup>2</sup> )	68	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m <sup>2</sup> )	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m <sup>2</sup> )	40	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		<b>Số bộ/lớp</b>
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	7	7/22
1.1	Khối lớp 6	2	
1.2	Khối lớp 7	2	
1.3	Khối lớp 8	2	
1.4	Khối lớp 9	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	3	
2.1	Khối lớp 7	4	
2.2	Khối lớp 8	4	
2.4	Khối lớp 9	4	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>		<b>Số học sinh/bộ</b>
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>	<b>42</b>	<b>42/22</b>
1	Ti vi	32	
2	Màn hình tương tác	04	
3	Cát xét	2	
4	Đầu Video/đầu đĩa	2	
5	Thiết bị khác	2	

X	Nhà vệ sinh	GV nam		GV nữ		HS nam		HS nữ	
		TS	DT	TS	DT	TS	DT	TS	DT

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	30	1	30	3	120	3	120
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XV	Tường rào xây	x	

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC<sup>5</sup>

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

1.1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia: Không

1.2. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.2.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
<b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý</b>					
Tiêu chí 1.1			x		
Tiêu chí 1.2			x		
Tiêu chí 1.3			x		
Tiêu chí 1.4			x		
Tiêu chí 1.5			x		
Tiêu chí 1.6			x		

Tiêu chí 1.7			x		
Tiêu chí 1.8			x		
Tiêu chí 1.9			x		
Tiêu chí 1.10			x		
<b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</b>					
Tiêu chí 2.1			x		
Tiêu chí 2.2			x		
Tiêu chí 2.3			x		
Tiêu chí 2.4			x		
Tiêu chí 2.5			x		
<b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học</b>					
Tiêu chí 3.1	x				
Tiêu chí 3.2			x		
Tiêu chí 3.3			x		
Tiêu chí 3.4			x		
Tiêu chí 3.5			x		
Tiêu chí 3.6			x		
<b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>					
Tiêu chí 4.1			x		
Tiêu chí 4.2			x		
Tiêu chí 4.3			x		
<b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</b>					
Tiêu chí 5.1			x		
Tiêu chí 5.2			x		

Tiêu chí 5.3			x		
Tiêu chí 5.4			x		
Tiêu chí 5.5			x		
Tiêu chí 5.6			x		
Tiêu chí 5.7			x		
Tiêu chí 5.8			x		
Tiêu chí 5.9			x		
Tiêu chí 5.10			x		
Tiêu chí 5.11			x		
Tiêu chí 5.12			x		

Đánh giá tiêu chí Mức 4: Không đạt

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Mức độ 2

1.2.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Chưa đạt

**2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm.**

2.1. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường.

Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Chưa đạt

2.2. Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm.

a. Mục tiêu:

- Nhằm duy trì và phát huy kết quả đạt được và từng bước thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng - hiệu quả giáo dục của nhà trường trong thời gian tới.

- Thực hiện tốt kế hoạch cải tiến chất lượng góp phần quan trọng nâng chất các tiêu chí, tiêu chuẩn trường và nâng cấp độ chất lượng của nhà trường trong thời gian tới để đảm bảo lộ trình đánh giá ngoài.

- Phân đầu nâng dần chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số. Tham mưu để đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường.

- Phân đầu năm học 2027-2028 trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 2.

## b. Kế hoạch năm học 2024-2025:

<b>Thời gian</b>	<b>Hoạt động</b>
<i>Tháng 11/24</i>	- Họp hội đồng tự đánh giá (TĐG), thông qua kế hoạch TĐG, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.
<i>Tháng 12/24</i>	- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ TĐG cho hội đồng tự đánh giá và cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường (trung tâm) - Phổ biến kế hoạch TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường (trung tâm)
<i>Tháng 01/25</i>	- Nhóm hoặc cá nhân thu thập minh chứng của từng tiêu chí theo sự phân công của chủ tịch hội đồng - Mã hoá các minh chứng thu được - Viết các phiếu đánh giá tiêu chí
<i>Tháng 02/25</i>	- Họp hội đồng TĐG để: - Thảo luận về những vấn đề nảy sinh từ các minh chứng thu được và xác định những minh chứng cần thu thập bổ sung - Cá nhân hoặc nhóm công tác báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí với hội đồng TĐG
<i>Tháng 3/25</i>	- Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí - Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu cần thiết) - Thông qua đề cương chi tiết báo cáo TĐG
<i>Tháng 4/25</i>	- Dự thảo báo cáo TĐG - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG
<i>Tháng 5/25</i>	- Họp hội đồng TĐG để thông qua báo cáo TĐG đã sửa chữa - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường (trung tâm) và thu thập các ý kiến đóng góp
<i>Tháng 6/25</i>	- Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện báo cáo TĐG
<i>Tháng 8/25</i>	Công bố báo cáo TĐG đã hoàn thiện trong nội bộ trường (trung tâm)

**V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC<sup>6</sup>****1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (Năm học 2023-2024)**

1.1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 2 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ; HS là người dân tộc thiểu số, khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường.

- Kết quả tuyển sinh năm học 2023-2024:

STT	Chỉ tiêu tuyển sinh quận giao	Tổng số học sinh đã tiếp nhận hồ sơ	Số hồ sơ đúng tuyển thuộc phường Thượng Lý	Số hồ sơ trái tuyển				Tỉ lệ % tuyển sinh so với chỉ tiêu quận giao
				Tổng số	Học tại TH NGT	Học tại cá trường khác trong quận	Học các trường khác ngoài quận	
1	270	304	201	103	73	14	16	112,59%

- Tình hình học sinh năm học 2023-2024: tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 2 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ; HS là người dân tộc thiểu số, khuyết tật; số lượng học sinh chuyên trường và tiếp nhận học sinh học tại trường.

Lớp	Tổng số HS	Số HS bình quân/lớp	Số lượng học sinh học 2 buổi/ngày	Nam/Nữ	Dân tộc TS		HS đến/đi		Khuyết tật	
					SL	TL	Đến	Đi	SL	TL
<b>TỔNG SỐ</b>	1.044	47,45	0	540/504	9	0.9	2	8	7	0.7
<b>Tổng khối 6</b>	303	50,5	0	162/141	2	0.7	2	2	1	0.3
6A1	48			25/23						
6A2	50			28/22						
6A3	55			30/25	1	1.8				
6A4	55			25/30	1	1.8				
6A5	47			25/22					1	2.1
6A6	48			29/19						
<b>Tổng khối 7</b>	262	43,666	0	138/124	3	1.1	0	3	3	1.1
7A1	50			25/25	1	2.0				
7A2	38			24/14	1	2.6			3	7.9
7A3	48			22/26						
7A4	43			21/22						
7A5	43			24/19						
7A6	40			22/18	1	2.5				
<b>Tổng khối 8</b>	237	47,4	0	113/124	2	0.8	0	3	2	0.8
8A1	48			23/25					1	2.1
8A2	47			28/19	1	2.1			1	2.1
8A3	50			28/22						
8A4	46			18/28	1	2.2				
8A5	46			16/30						
<b>Tổng khối 9</b>	242	48,4	0	127/115	2	0.8	0	0	1	0.4
9A1	41			17/24						
9A2	52			33/19	2	3.8				
9A3	50			26/24					1	2.0
9A4	47			25/22						
9A5	52			26/26						

1.2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, không được lên lớp.

a/ Đánh giá hạnh kiểm, rèn luyện:

- Về hạnh kiểm khối 9 (Theo Thông tư 58 và 26 sửa đổi của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Hạnh kiểm							
Tốt		Khá		TB		Yếu	
SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
238	98.35	4	1.65	0	0	0	0

- Về Rèn luyện khối 6,7,8 theo Thông tư 22 của Bộ Giáo dục

Khối	Kết quả rèn luyện							
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
<b>6,7,8</b>	<b>735</b>	<b>70.4</b>	<b>56</b>	<b>5.36</b>	<b>11</b>	<b>1.05</b>	0	0
6	294	97.03	9	2.97	0	0	0	0
7	237	90.46	24	9.16	1	0.38	0	0
8	204	86.08	23	9.7	10	4.22	0	0

b/ Đánh giá về học tập

- Khối 9 theo Thông tư 58 và 26 sửa đổi của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Học lực khối 9							
Giỏi	Khá	TB	Yếu	Kém	Danh hiệu		
134	64	44	0	0	HSG	HSTT	
55.37%	26.45	18.18	0	0	134	64	

- Khối 6,7, 8 theo Thông tư 22 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Khối	Kết quả học tập								Danh hiệu	
	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt			
	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	HSXS	HSG
<b>6,7,8</b>	<b>300</b>	<b>37.59</b>	<b>292</b>	<b>36.59</b>	<b>194</b>	<b>24.31</b>	<b>12</b>	<b>1.5</b>	<b>49</b>	<b>251</b>
6	122	40.26	108	35.64	72	23.76	1	0.33	16	106
7	104	40.15	103	39.77	49	18.92	3	1.16	19	85
8	74	31.36	81	34.32	73	30.93	8	3.39	14	60

Với khối 7, 8 có 04 HS khuyết tật học hòa nhập đánh giá học lực, rèn luyện riêng biệt.

1.3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình; học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp THCS và THPT; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp THPT

Được công nhận tốt nghiệp				Xếp loại tốt nghiệp			Tỷ lệ % hs được công nhận TN, cấp bằng
Tổng số	Nam	Nữ	Dân tộc	Giỏi	Khá	TB	
242	127	115	Kinh (240)	134	64	44	100%
			Hoa (02)				

**Việc tiếp nhận học sinh sau phân luồng và trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên quận (TTGDNN- GDTX)**

Năm học	Số HS phân luồng	
	TTGDNN- GDTX	Trường TC; CĐ nghề
2023-2024	12	8

**2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (Chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không có**

#### **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH<sup>7</sup>**

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Căn cứ vào tình hình thực tế, trường đã ban hành các quy chế thực hiện công tác công khai, quản lý tài sản. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về công tác công khai trong cơ sở giáo dục theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT. Trong quá trình thực hiện, khi có điểm chưa phù hợp hoặc có vấn đề phát sinh do hướng dẫn chỉ đạo thay đổi của cơ quan quản lý tài chính cấp trên, quy chế chi tiêu nội bộ được

điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Nhà trường thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản bảo đảm đúng luật, công khai, minh bạch. Đồng chí hiệu trưởng luôn nhận thức đúng đắn trách nhiệm của mình trong việc huy động và sử dụng nguồn tài chính bảo đảm tiết kiệm nhưng có hiệu quả cao nhất, huy động nguồn tài chính và biết tổ chức phân phối, sử dụng các nguồn tài chính hợp lý nhằm phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập ngày càng tốt.

Cơ sở vật chất, tài sản của nhà trường được sử dụng triệt để. Một số tài sản của trường được đưa tới từng lớp, bàn giao cho GV và HS bảo quản, sử dụng có hiệu quả. Trường luôn quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích để phục vụ các hoạt động giáo dục, cuối mỗi năm có báo cáo cấp trên. Phòng tài vụ tham mưu cho đồng chí HT về công tác quản lý tài chính, tài sản trong trường, thường xuyên bảo dưỡng, nghiêm túc kiểm kê theo định kì.

## **CÔNG KHAI THU, CHI TÀI CHÍNH**

*(Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo)*

### **I. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật:**

#### **1. Dự toán thu - Chi ngân sách năm 2023**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán</b>
<b>I</b>	<b>DỰ TOÁN THU NGAN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>9,286,964,910</b>
1	Kinh phí được giao tự chủ	5,904,616,870
2	Kinh phí không giao tự chủ	3,391,785,326
3	Dự toán huỷ	-9,437,286
<b>II</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	
	Chi sự nghiệp giáo dục	<b>9,286,964,910</b>
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	<b>5,904,616,870</b>
1.1	Chi thanh toán cá nhân	5,406,262,357
1.2	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	105,779,429
1.3	Chi mua sắm sửa chữa	10,544,000
1.4	Chi khác	382,031,084
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	<b>3,382,348,040</b>
2.1	Chi thanh toán cá nhân	3,035,598,040
2.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	144,650,000
2.3	Chi mua sắm sửa chữa	197,600,000
2.4	Chi khác	4,500,000

#### **2. Các khoản thu, chi ngoài ngân sách và khoản thu hộ, chi hộ**

TT	Nội dung	Số tiền
<b>1</b>	<b>Học phí (nếu có)</b>	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	90,638,273
1.2	Mức thu 92.000đ/tháng	
1.3	Tổng số thu trong năm: Ngân sách cấp	607,618,600
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	698,256,873
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(3)</sup>	698,256,873
1.6	Số chi trong năm	698,256,873
	Trong đó: - Chi lương	591,829,175
	- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn và Chi khác	106,427,698
1.7	Số dư cuối năm	0
<b>2</b>	<b>Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)</b>	
<b>2.1</b>	<b>Dạy thêm học thêm</b>	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	308,389,472
2.1.2	Mức thu: 12,000đ/tiết	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	3,554,100,000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	3,862,489,472
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(3)</sup>	3,862,489,472
2.1.6	Số chi trong năm	3,589,325,467
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	2,438,112,600
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	348,697,087
	- Chi công tác quản lý, chi đạo	417,962,160
	- Chi phúc lợi	313,471,620
	- Chi khác:.....	
	- Nộp 2% thuế TNDN	71,082,000
2.1.7	Số dư cuối năm	273,164,005
<b>2.2</b>	<b>Học nghề tin</b>	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	62,910,000
2.1.2	Mức thu .....	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	0
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	62,910,000
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(3)</sup>	62,910,000
2.1.6	Số chi trong năm	55,157,200
	Trong đó: - 100% hỗ trợ CSVN, hoạt động dạy tin học	55,157,200
2.1.7	Số dư cuối năm	7,752,800
<b>3</b>	<b>Tài trợ giáo dục</b>	
3.1	Số dư năm trước chuyển sang	39,136
3.2	Tổng số thu trong năm	176,944,124
3.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	176,983,260
3.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(3)</sup>	176,944,124
3.5	Số chi trong năm	176,667,000
	Trong đó: - Mua 12 cái máy tính bảng	146,592,000

	- Mua cây cảnh	25,200,000
	- Mua tủ đựng máy tính bảng	4,600,000
	- Phí TK tiền gửi	275,000
3.6	Số dư cuối năm	316,260
<b>4</b>	<b>Dịch vụ Trông giữ xe</b>	
4.1	Số dư năm trước chuyển sang	36,466,000
4.2	Mức thu: Xe đạp thường 30.000đ/tháng; xe điện 50.000đ/tháng	
4.3	Tổng số thu trong năm	108,130,000
4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	144,596,000
4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(3)</sup>	144,596,000
4.6	Số chi trong năm	122,447,000
	Trong đó:	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	10,813,000
	- Chi cho người tham gia	86,504,000
	- Chi khác	22,000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	2,760,000
	- Chi Phúc lợi tập thể	22,348,000
4.1.7	Số dư cuối năm	22,149,000
<b>5</b>	<b>Tiếng Nhật</b>	
5.1	Số dư năm trước chuyển sang	1,525,974
5.2	Mức thu: 12.000/HS/tiết	
5.3	Tổng số thu trong năm	119,040,000
5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	120,565,974
5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(4)</sup>	120,565,974
5.6	Số chi trong năm	115,455,840
	Trong đó: - 85% thanh toán về công ty	101,184,000
	- Chi quản lý tại trường	13,927,680
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	344,160
5.7	Số dư cuối năm	5,110,134
<b>6</b>	<b>Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</b>	
<b>6.1</b>	<b>BHYT</b>	
6.1.1	Số học sinh: 968 hs	
6.1.2	Mức thu: 680.400đ/hs/ năm	
6.1.3	Tổng thu	679,039,200
6.1.4	Đã chi	679,039,200
6.1.5	Dư	0
<b>6.2</b>	<b>Vòng tay bè bạn (quỹ đội)</b>	
6.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	31,342,000
6.2.2	Số học sinh: 967 hs	
6.2.3	Mức thu: 30.000đ/hs/năm học	29,355,000
6.2.4	Tổng thu	60,697,000
6.2.5	Đã chi	48,445,500

6.2.6	Dư	12,251,500
<b>6.3</b>	<b>Nước uống học sinh</b>	
6.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
6.3.2	Số học sinh: 991 hs	
6.3.3	Mức thu: 10.000đ/hs/tháng	
6.3.4	Tổng thu	88,030,000
6.3.5	Đã chi	88,030,000
6.3.6	Dư	0
<b>6.4</b>	<b>Hội phí Chữ thập đỏ, nuôi lợn siêu trọng</b>	
6.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	23,829,780
6.4.2	Số học sinh: 991 hs	0
6.4.3	Mức thu: (Tùy từng đợt phát động phong trào)	
6.4.4	Tổng thu	26,829,000
6.4.5	Đã chi	26,659,000
6.4.6	Dư	23,999,780
<b>6.5</b>	<b>Đông phục học sinh</b>	
6.5.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
6.5.2	Tổng thu	76,555
6.5.3	Đã chi	76,555
6.5.4	Dư	0
<b>6.6</b>	<b>Chăm sóc SKBDHS</b>	
6.6.1	Số dư năm trước chuyển sang	39,299,723
6.6.2	Số học sinh:	
6.6.3	Mức thu: BHXH cấp trích KP CSSKBD năm 2023	
6.6.4	Tổng thu	40,706,486
6.6.5	Đã chi	28,171,209
6.6.6	Dư	51,835,000

### 3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Năm học 2023-2024 nhà trường không có học sinh Miễn, Giảm theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc về hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC<sup>8</sup>

### 1. Tổ chức các hoạt động chuyên môn

- Thực hiện các công văn chỉ đạo của Bộ GD&ĐT về rà soát, điều chỉnh chương trình giáo dục nhà trường đối với tất cả khối lớp; Điều chỉnh chương trình đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp thực tiễn của nhà trường.

- Thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình và kế hoạch giáo dục nhà trường:

+ Số tiết dạy khối 8 vượt 30 tiết/tuần do đó học 2 buổi/ ngày.

+ Tổ chức phối hợp dạy học trực tiếp và trực tuyến tại lớp đối với môn GDĐP.

+ Điều chỉnh KHNT phù hợp với ĐK thực tế.

- Tăng cường dạy học, tổ chức các HĐ GD lồng ghép theo hướng dẫn của Sở GDĐT.

- Phân công chuyên môn phù hợp đối với các lớp đặc biệt quan tâm triển khai chương trình 2018.

Thực hiện tốt chương trình, sách giáo khoa mới đối với khối 6, 7, 8 và chuẩn bị đối với khối 9 tại năm học 2024 – 2025 theo hướng dẫn của thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Căn cứ phân phối chương trình và kế hoạch dạy học được phê duyệt, giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học cá nhân, nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm tra lấy điểm đảm bảo tiến độ chương trình, đảm bảo thời lượng ôn tập, thực hành cần thiết; Tổ chức xây dựng kế hoạch công tác linh hoạt với nhiều hình thức dạy học.

Thực hiện 60 chuyên đề chuyên môn, chuyên đề Đội, các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao chất lượng Dạy – Học của Thầy – Trò nhà trường trong đó:

01 Chuyên đề Đội cấp thành phố phối hợp 2 đơn vị trường THCS NGT và THCS QT được đánh giá cao, được lãnh đạo cấp trên khen ngợi về sự tự tin, vững vàng của học sinh nhà trường ( Một đối mới trong việc phối hợp nhiều đơn vị trường để tổ chức chuyên đề).

01 Chuyên đề cấp quận về đổi mới phương pháp và chuyển đổi số trong dạy học, đây là một chuyên đề có tính sáng tạo và là một hướng đi mới của GD nhà trường ( Chuyên đề được phối hợp giữa 2 tổ NN và TN)

- Tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng Quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm kiểm tra và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

- Tổ chức chặt chẽ, khách quan và công bằng KSCL đầu năm và cuối năm 3 môn ở tất cả các khối lớp, đối với K9 nhà trường phối hợp với PGD, liên trường tổ chức làm bài KSCL nhiều lần, qua đó đánh giá việc dạy của giáo viên và việc học của học sinh để có các biện pháp điều chỉnh kịp thời và hiệu quả đối với kỳ thi chuyên cấp của học sinh khối lớp 9.

- Tổ chức các hoạt động, mô hình giáo dục sáng tạo ( Ứng dụng phần mềm hỗ trợ dạy học OLM để triển khai ” Mô hình lớp học đảo ngược”), đẩy mạnh hoạt động học sinh nghiên cứu khoa học, giáo dục STEM và hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong nhà trường; Tổ chức cho các em tham gia hoạt động học tập trải nghiệm đầy ý nghĩa và thu được nhiều kinh nghiệm thực tế.

Với quyết tâm rất lớn của tập thể CB, GV, NV và học sinh cùng chung sức cố gắng vượt qua mọi khó khăn để ngày một nâng cao chất lượng Dạy – Học của nhà trường.

## **2. Tổ chức các hoạt động phối hợp**

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã phối hợp với nhiều các cơ quan ngoài nhà trường để tổ chức các hoạt động cho thầy và trò nhà trường và phải kể đến các hoạt động:

- Truyền truyền về bảo vệ trẻ em ( Phối hợp với Sở LĐ TBXH).
- Chương trình tuyên truyền về sức khỏe học đường và răng miệng, tuyên truyền về tác hại của thuốc lá, bạo lực học đường ( Phối hợp với Hội bảo vệ trẻ em TP và Sở Công an TPHP ).
- Chương trình tuyên truyền về ATGT cho HS ( Phối hợp với Công an quận HB.
- Chương trình giao lưu tuyên cảm hứng phấn đấu cho các em và tuyên truyền giáo dục pháp luật ( Phối hợp với cựu học sinh nhà trường).
- Chương trình Chung tay xoa dịu nỗi đau da cam.
- Chương trình thiện nguyện của HS khối 6 đối trường Khiêm tính HP nhân dịp tết Nguyên Đán.
- Tham dự lễ khai bút đầu xuân tại Đền Hạ phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng.
- Hội nghị chia sẻ, thảo luận về sức khỏe tinh thần cho CB, GV, VN nhà trường ( Phối hợp với Học viện phụ nữ VN, TT VH Tâm Nhung).

## **3. Kết quả chất lượng mũi nhọn ( HSG):**

Xác định công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi là nhiệm vụ song hành với dạy học đại trà của nhà trường, là trách nhiệm của mọi cán bộ, giáo viên.

Chọn lựa, bồi dưỡng học sinh để có đủ các đội tuyển tham gia tất cả các môn thi, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quận, thành phố; Tổ chức cho học sinh tham gia các cuộc thi mang tính hội nhập khu vực, thi Khoa học kỹ thuật, các cuộc thi do liên ngành giáo dục và ngành khác tổ chức...để tạo ra những tác động tích cực cho giáo viên và học sinh trong các cuộc thi học sinh giỏi truyền thống.

Sớm triển khai kế hoạch về công tác HSG ngay từ đầu năm đặc biệt đã tổ chức được kỳ thi HSG cấp trường ở tất cả các môn học lớp 9, ba môn Toán, Ngữ văn, T. Anh lớp 8.

Giải HSG của nhà trường năm học 2023 – 2024 tiếp tục được giá cao. Chi tiết kết quả HSG:

Cấp	Tổng số	Nhất (HC Vàng)	Nhi (HC Bạc)	Ba (HC Đồng)	Khuyến khích
Quận	72	6	6	20	40
Thành phố	31	6	6	11	8
Hội nhập	230	5	60	119	46
<b>Tổng</b>	<b>333</b>	<b>17</b>	<b>72</b>	<b>150</b>	<b>94</b>

#### 4. Kết quả Thi vào lớp 10 THPT 2024 - 2025 ( Năm học 2023 – 2024)

+ Xác định chương trình, nội dung ôn thi phù hợp, đúng đối tượng là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng đại trà.

+ Thực hiện đánh giá, phân loại đối tượng học sinh thường xuyên ( Ktra KSCL, thi thử thường xuyên) trên cơ sở đó làm tốt công tác tư vấn thi, định hướng phân luồng học sinh.

+ Tổ chức các Hội nghị: Giao chỉ tiêu ngay từ đầu năm; HN tư vấn, phân luồng đến 100% HS và PHHS

+ Kết quả:

Toàn trường có 01 học sinh đỗ thủ khoa trường THPT Lê Hồng Phong (đạt 47,5/50 điểm); có 04 học sinh đỗ chuyên Trần Phú (01 HS đỗ chuyên Ngữ Văn, 01 HS đỗ chuyên Sinh học, 02 HS đỗ Chuyên Pháp)

Xét theo kết quả điểm chất lượng kì thi vào 10 của Sở GD &ĐT năm học 2024-2025, trường THCS Ngô Gia Tự đã đạt được kết quả cụ thể như sau:

Điểm TB môn Văn	Điểm TB môn Toán	Điểm TB môn T.Anh	Điểm TB 03 môn
7,79	7,60	8,37	7,828

Tỉ lệ đỗ vào các trường công lập là 86,075%.

#### 5. Tổ chức các hoạt động đào tạo bồi dưỡng

+ Nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý, quản trị nhà trường; tăng cường nền nếp, kỷ cương, chất lượng để hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học bằng việc tăng cường xây dựng trật tự, kỷ cương nền nếp nhà trường. Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Quyết định 16/2008/QĐ-BGD Ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo; TT 06/2019/TT-BGDĐT qui định qui tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục

+ Nâng cao năng lực cá nhân tự học, tự bồi dưỡng:

+ Vai trò thăm lớp dự giờ, rút kinh nghiệm là yếu tố then chốt trong công tác tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn đồng thời cũng là động lực thúc đẩy công tác tự học, tự bồi dưỡng của mỗi giáo viên.

+ Trọng tâm bồi dưỡng năng lực chuyển đổi số trong dạy học điểm hình là triển khai hệ thống hỗ trợ dạy học OLM trong mô hình lớp học đảo ngược được thực hiện đầu tiên tại các trường THCS.

+ Kết quả: Có 2 cuộc thi trong đó

Tại hội thi GVCN giỏi cấp TP trường có 01 GV tham dự đạt kết quả cao.

Tại hội thi Thiết bị dạy học số có 02 sản phẩm trong đó: 01 giải nhì, 01 giải khuyến khích

### **6. Tổ chức các hoạt động Công đoàn**

- Phối hợp với nhà trường xây dựng, tuyên truyền bộ quy tắc ứng xử trong trường học và triển khai tới toàn thể CB,GV,NV và học sinh toàn trường; Xây dựng và tuyên truyền thực hiện tốt các tiêu chí của trường học hạnh phúc. Đặt thành khẩu hiệu tuyên truyền trong nhà trường “ YÊU THƯƠNG, AN TOÀN, TÔN TRỌNG”.

- Làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác vì cộng đồng.

- Quan tâm đến sức khỏe của CĐV: Tổ chức khám sức khỏe, thăm và động viên đến các hoàn cảnh đặc biệt giúp mọi đoàn viên công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ Dạy – Học.

### **7. Tổ chức các hoạt động Đoàn – Đội, Chữ thập đỏ**

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền ( 8 buổi) ở rất nhiều các nội dung như Noi gương anh bộ đội cụ Hồ; Tìm hiểu về biển đảo quê hương; Ngày pháp luật; Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong vì tai nạn giao thông; Tuyên truyền văn hóa ứng xử học đường; Tuyên truyền về phòng chống xâm hại, bạo lực đối với trẻ em và phòng chống tác hại của thuốc lá....

Phát huy hiệu quả hệ thống camera, phát thanh trong công tác rèn luyện nề nếp, đảm bảo an toàn cho học sinh; công tác Y tế trường học.

- Duy trì, triển khai tốt các hoạt động rèn luyện nề nếp hàng ngày

- Làm tốt các hoạt động hướng đến cộng đồng, công tác từ thiện...

Hoạt động Nuôi lợn siêu trọng, phong trào “Kế hoạch nhỏ” ủng hộ Hội người mù, chung tay xoa dịu nỗi đau da cam, đặc biệt thực hiện chủ đề môn học HĐ TN&HN của các em khối 6 tại trường khiếm thính Hải phòng.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác chăm lo đến quyền lợi học sinh.

- Tổ chức kết nạp được 94 thanh niên tiêu biểu vào Đoàn.

- Đoàn ktra công tác Y tế - Chữ thập đỏ của quận đánh giá Xuất sắc.

### **ĐÁNH GIÁ CHUNG**

- Năm học 2023 - 2024, trường THCS Ngô Gia Tự đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ trên nhiều lĩnh vực đặc biệt là công tác học sinh giỏi; tổ chức ôn thi vào lớp 10 THPT; trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại, kết quả giáo dục toàn diện ổn định và phát triển. Triển khai và thực hiện đầy đủ các chỉ thị nhiệm vụ của năm học, các văn bản của các cấp lãnh đạo.

- Tập thể CB,GV,NV nhà trường đồng tâm, đồng lòng và đoàn kết, thống nhất cao trong các chiến lược phát triển nhà trường. Đội ngũ giáo viên tâm huyết, trách nhiệm và có tinh thần tự học nâng cao trình độ.

- Tập thể HS nhà trường học tốt hơn, ngoan hơn, các em đã đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ và tự hào, các em thấy tự hào về nhà trường.

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy và học định hướng thực hiện chuyển đổi số trong trường học. Sử dụng đồ dùng và trang thiết bị dạy học hiện quả. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục nhằm tăng cường cơ sở vật chất trường học.

- Thầy và trò nhà trường thực hiện tốt chương trình Dạy – Học – Rèn luyện đưa trường THCS Ngô Gia Tự thành ngôi trường đáng để làm việc, học tập xứng đáng mang tên chiến sĩ cách mạng trung kiên Ngô Gia Tự.

### **8. Kết quả đánh giá xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể**

**Nhà trường:**

- Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Trường đạt tập thể LĐTT.

**Công đoàn:** Công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**Chi đoàn:** Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**Liên đội:** Vững mạnh xuất sắc; Được tặng bằng khen Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành phố Hải Phòng

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2024 về thực hiện công khai trong hoạt động của trường THCS Ngô Gia Tự (theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)/.



**Nguyễn Văn Ca**